

Số: /QĐ-ĐHXDMT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Cấp học bổng tài trợ cho sinh viên thuộc đối tượng gia đình khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo đạt thành tích cao trong học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư Quy định về trao và nhận học bổng, trợ cấp cho người học trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHXDMT ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy định chính sách học bổng cho sinh viên chính quy trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Tờ trình của tập thể cựu sinh viên Khóa 85X về việc trao bổng tài trợ cho sinh viên thuộc đối tượng gia đình khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo... đạt thành tích cao trong học tập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi học bổng tài trợ cho 10 sinh viên thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn, con mồ côi... đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện năm học 2025-2026 (có danh sách trích ngang kèm theo).

Trong đó: Trị giá học bổng tài trợ 1.000.000 đồng/SV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, cố vấn học tập và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Tập thể cựu sinh viên lớp 85X (phối hợp);
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV, KH-TC, KH&ĐN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Lê Đức Thường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG TÀI TRỢ CỦA TẬP THỂ CỰU SINH VIÊN KHÓA 85X NĂM HỌC 2025-2026

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ và	Lớp	Đối tượng	Trị giá hỗ trợ	Tài khoản ATM Ngân hàng VietinBank	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	25Q75803011013	TẠ THỊ TUYẾT TRINH	D25KXX1	Gia đình khó khăn	1,000,000	100885356405	
2	23Q73401012005	BÙI THU MIÊN	D23QSC1	Hộ cận nghèo	1,000,000	100880283167	
3	23Q75802011041	NGUYỄN MINH HỌC	D23XDK1	Hộ cận nghèo	1,000,000	107880308149	
4	23Q74802011035	TRẦN DƯƠNG PHONG	D23CTC1	Hộ cận nghèo	1,000,000	108879894757	
5	25Q75803011009	NGUYỄN KIỀU NGÂN	D25KXX1	Hộ cận nghèo	1,000,000	104885358788	
6	23Q75803011019	HỒ VĂN THÚY TRIỀU	D23KXC1	Gia đình khó khăn	1,000,000	104880439704	
7	23Q75802011026	PHẠM MINH ĐỨC	D23XDK1	Hộ cận nghèo	1,000,000	108880308148	
8	23Q73401013038	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	D23QHC1	Gia đình khó khăn	1,000,000	106880308137	
9	24D75801011014	DƯƠNG THANH THIÊN	D24KTR1DN	Hộ cận nghèo	1,000,000	105883677530	
10	24D75102051092	TRẦN ANH XUÂN	D24COK2DN	Hộ nghèo	1,000,000	107883698953	
		Tổng cộng			10,000,000		

Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn.